TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiến

2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 344/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thành L, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận Lợi, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu Th, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận Lợi, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thành L trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Thu Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003 được UBND phường Ninh Hà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển sổ 01/2003 ngày 25/9/2003. Quá trình chung sống ông bà có với nhau hai con chung là Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010.

Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do tính tình không hợp, bà Th không lo làm ăn chăm lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc nên xảy ra cãi vã trong gia đình, xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng của nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn kéo dài không thể hòa giải được. Ông và bà Th không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Đỗ Thị Thu Th.

Về con chung: Ông tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung tên Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010 đến tuổi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Th.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thu Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án thể hiện:

Bà và ông Phạm Thành L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003 được UBND phường Ninh Hà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển sổ 01/2003 ngày 25/9/2003. Quá trình chung sống ông bà có với nhau hai con chung là Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010.

Nay, ông Phạm Thành L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà đồng ý.

Về con chung: Bà tự nguyện giao hai con chung tên Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông L.

Cháu Phạm Thành L1 và Phạm Thành C có nguyện vọng xin ở với bố.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thành L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Thu Th; về con chung: Ông tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010 đến tuổi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Th

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao con chung là Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010 cho ông Phạm Thành L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Th nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị Thu Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn bà Đỗ Thị Thu Th hiện cư trú tại: Tổ dân phố Thuận Lợi, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thành L và bà Đỗ Thị Thu Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện đã được UBND phường Ninh Hà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển sổ 01/2003 ngày 25/9/2003 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông Phạm Thành L và bà Đỗ Thị Thu Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà Th không hạnh phúc do tính tình không hợp, bà Th không lo làm ăn chăm lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc nên xảy ra cãi vã trong gia đình, xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng của nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn kéo dài không thể hòa giải được. Ông L và bà Th không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Tại "Đơn xin ý kiến" bà Th gửi cho Tòa án, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông L và bà Th không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của ông L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của ông L, bà Th thì ông bà có hai con chung là Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010. Ông L nguyện vọng nuôi hai con chung,

không yêu cầu cấp dưỡng bà Th nuôi con. Tại đơn trình bày ý kiến của mình, bà Th cũng đồng ý để ông L trực tiếp nuôi hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định, hiện tại hai con chung đang sống với ông L và có nguyện vọng được ở với ông L sau khi bố mẹ ly hôn vì vậy Hội đồng xét xử xét nên giao cháu hai con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà Th không yêu cầu giải quyết tài sản chung, và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Phạm Thành L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thành L.

1.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Thành L được ly hôn bà Đỗ Thị Thu Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thành L1, sinh ngày 20/4/2004 và Phạm Thành C, sinh ngày 24/3/2010 cho ông Phạm Thành L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Thành L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Thành L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Ông Phạm Thành L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2016/0003975 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ông L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa;
GCNKH số: 50 ngày 25/9/2003;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh